

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ QUẢNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HS-ST
Ngày 08-12-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ QUẢNG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đại Tiến

Ông Lý Đức Thà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Minh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08-12-2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2023/TLST-HS ngày 12-10-2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HS ngày 24-11-2023 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn P (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 17 tháng 6 năm 1997 tại xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm L, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú); nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn S, sinh năm 1968 và bà Hoàng Thị K, sinh năm 1971; có vợ là Hoàng Thị N, sinh năm 1999; con: Bị cáo có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2018, con thứ hai sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21-7-2023 cho đến nay, có mặt.

2. Hoàng Văn L (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 25 tháng 11 năm 1994 tại xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm L, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng (nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú); nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn K, sinh năm 1963 và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1964; có vợ là Lương Thị T, sinh năm 1996; con: Bị cáo có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2017, con thứ hai sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

Không có; Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21-7-2023 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa:* Ông Nông Văn Sự - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn P, bị cáo Hoàng Văn L, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Phương Thị T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Xóm L, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 11-7-2023, tại nhà của H thuộc xóm L, xã C, huyện H, P và Hoàng Văn L (là người cùng xóm với P) bàn bạc, thống nhất sáng ngày 12-7-2023 đi tìm mua trâu để mang sang Trung Quốc bán kiếm lời. P và L góp mỗi người 50.000.000 đồng, P là người cầm tiền. Theo như sự thỏa thuận trước đó, sáng ngày 12-7-2023 L đến đón P cùng nhau đi chợ trâu bò tại huyện T, tỉnh C để tìm mua trâu. L đi tìm và mua được 04 (bốn) con trâu trong đó có 03 (ba) con trâu cái và 01 (một) con trâu đực với giá 34.000.000 đồng. Còn P đi tìm và mua được 03 (ba) con trâu trong đó có 01 (một) cặp trâu (trâu mẹ và trâu con) và 01 (một) con trâu cái với giá 31.000.000 đồng, P là người trực tiếp trả tiền cho chủ các con trâu. Sau đó, P và L đi tìm xe ô tô để chở 07 (bảy) con trâu về chuồng của gia đình L. Khi về tới nhà, P gọi cho người đàn ông Trung Quốc tên K qua ứng dụng Wechat thỏa thuận về việc mua 03 (ba) con trâu của P với giá 11.000 NDT và hẹn thời gian đưa trâu lên khu vực mốc biên giới 696. Còn L cũng thông qua ứng dụng Wechat gọi cho người đàn ông Trung Quốc tên M để mua trâu, cả hai thỏa thuận mua 04 (bốn) con trâu của L với giá 11.500 NDT và hẹn thời gian cụ thể đưa trâu lên mốc 696. P và L dùng bút xóa đánh dấu ký hiệu lên sừng các con trâu là PP, PP1, PP2, PP1.1, P.1.1.1, PP2.1, PP.A. Đến khoảng 18 giờ ngày 12-7-2023, P và L cùng nhau dắt 07 (bảy) con trâu từ nhà L theo đường mòn lên khu vực mốc biên giới 696, khi cả hai đang đợi người đàn ông Trung Quốc tên K và M thì bị lực lượng chức năng phát hiện, do lo sợ bị bắt nên P và L đã để trâu ở lại khu vực mốc 696 rồi bỏ chạy lên rừng.

Ngày 13-7-2023, các cơ quan chức năng tiến hành cân xác định khối lượng của 07 (bảy) con trâu bị tạm giữ. Qua cân xác định được 07 (bảy) con trâu có tổng khối lượng là 1.915 kg.

Ngày 14-7-2023, Hoàng Văn P và Hoàng Văn L cùng xác nhận các con trâu được đánh số 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 và được ký hiệu trên sừng của từng con trâu là PP, PP1, PP2, PP1.1, P.1.1.1, PP2.1, PP.A là 07 (bảy) con trâu của P và L góp tiền chung mua về để bán sang Trung Quốc.

Ngày 17-7-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Quảng ban hành Yêu cầu định giá tài sản số 52/YC-CQCSĐT định giá: 07 (bảy) con trâu còn sống, được đánh số thứ tự lần lượt từ số 13 đến 19. Tại Kết luận định giá tài sản số 241/KL-HĐĐG ngày 18-7-2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Hà Quảng kết luận: 07 (bảy) con trâu còn sống có màu lông đen, khối lượng con trâu (cân hơi) là 1.915 kg tại thời điểm định giá có giá là 107.438.000 đồng.

Ngày 07-8-2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Quảng đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 09/QĐ-CQCSĐT bán 07 (bảy) con trâu (là vật chứng của vụ án) được số tiền 71.371.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Hoàng Văn P và Hoàng Văn L cùng thừa nhận P và L cùng bàn bạc, góp tiền mỗi người 50.000.000 đồng đi mua trâu bán sang Trung Quốc để kiếm lời. Việc bán trâu sang Trung Quốc, P và L không có giấy tờ gì và không có sự cho phép nào của cơ quan chức năng. Đối với người đàn ông Trung Quốc tên K và M, P và L không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của hai người đàn ông này.

Tại Cơ quan điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phương Thị T trình bày: Số thuê bao 0356 xxx xxx là số thuê bao đăng ký bằng tên của bà T, khoảng hơn 04 (bốn) năm về trước bà T đưa cho Hoàng Văn P dùng. Tại phiên tòa, bà Phương Thị T xác nhận lại số thuê bao này là do P nhờ Bà mua và đăng ký bằng số Chứng minh thư nhân dân của Bà. Sau khi mua được sim thì P là người sử dụng thường xuyên, việc P dùng số thuê bao liên lạc với ai, nội dung như nào Bà hoàn toàn không biết. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bà T không có yêu cầu gì và cũng không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Tại bản Cáo trạng số: 23/CT-VKSHQ ngày 09-10-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng truy tố các bị can Hoàng Văn P, Hoàng Văn L về tội “Buôn lậu” quy định tại khoản 1 Điều 188 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Hoàng Văn P, Hoàng Văn L về tội “Buôn lậu” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 188; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt:

Bị cáo Hoàng Văn P, bị cáo Hoàng Văn L từ 06 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 12 tháng đến 24 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Không có.

Vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng cụ thể như sau:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 71.371.000 đồng.

- Tịch thu, phát mại sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG, màu vàng đồng, có số IMEI 1: 358131096782827, IMEI 2: 358132096782825, điện thoại đã qua sử dụng

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu HUAWEI, màu đỏ, có số IMEI 1: 867615045318315, IMEI 2: 867615045358329, điện thoại đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn P 01 (một) sim số 0356 xxx xxx và yêu cầu Bị cáo phải thực hiện việc đăng ký sim chính chủ Viettel theo Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24-4-2017 của Chính phủ và trả lại cho bị cáo Hoàng Văn L 01 (một) sim số 0342 xxx xxx.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Người bào chữa trình bày luận cứ bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn P, Hoàng Văn L nhất trí với kết luận của Kiểm sát viên truy tố các bị cáo về tội “Buôn lậu” theo khoản 1 Điều 188 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các yếu tố sau đây: Các bị cáo Hoàng Văn P, Hoàng Văn L đều có nhân thân tốt, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi bị bắt, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình với thái độ ăn năn, hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo P, bị cáo L hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo Hoàng Văn P, bị cáo Hoàng Văn L được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Tại phần tranh luận các bị cáo, người bào chữa tranh luận, đối đáp. Các bị cáo đều không có ý kiến gì với nội dung bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, vi phạm pháp luật, các bị cáo là trụ cột của gia đình, con còn nhỏ nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo được chăm sóc gia đình và các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng của vụ án được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, đủ căn cứ và cơ sở kết luận: Tối ngày 11-7-2023 Hoàng Văn P và Hoàng Văn L cùng trú tại xóm L, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng cùng nhau bàn bạc thống nhất góp tiền đi tìm mua trâu để bán sang Trung Quốc kiếm lời. Ngày 12-7-2023, Hoàng Văn P và Hoàng Văn L mua được 07 (bảy) con trâu; đến khoảng 18 giờ cùng ngày, P và L dắt trâu đi theo đường mòn lên mốc biên giới 696 thuộc xóm N, xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng để bán cho 02 (hai) người đàn ông Trung Quốc tên K và M thì bị cơ quan chức năng phát hiện, do lo sợ nên P và L đã bỏ chạy lên rừng. Giá trị 07 (bảy) con trâu còn sống được Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Hà Quảng kết luận: 07 (bảy) con trâu còn sống, màu lông đen có tổng khối lượng là 1.915 kg tại thời điểm định giá có giá trị là 107.438.000 đồng. Đây là những chứng cứ xác định các bị cáo đã phạm tội “Buôn lậu” được quy định tại khoản 1 Điều 188 của Bộ luật Hình sự. Chứng cứ mà Viện kiểm sát đưa ra là đúng người, đúng tội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, cụ thể là việc xuất, nhập khẩu hàng hoá gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển kinh tế và tình hình an ninh trật tự tại khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức rõ, hành vi buôn bán hàng hoá qua biên giới không có giấy phép của cơ quan chức năng là hành vi trái phép nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích kiếm lời. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Các bị cáo Hoàng Văn P, Hoàng Văn L đều sinh ra và lớn lên tại xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Các bị cáo đều là người có sức khỏe, sống trong môi trường xã hội lành mạnh nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện đạo đức, chỉ vì lợi ích cá nhân nên đã dấn thân vào con đường phạm tội. Các bị cáo đều có nhân thân tốt. Các bị cáo không có tiền án, tiền sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trước Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi xem xét quyết định hình phạt.

[3] Xét tính chất, vai trò của các bị cáo trong vụ án

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính bộc phát, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm giản

đơn không có tổ chức.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế cụ thể là việc xuất nhập khẩu hàng hóa, ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Hoàng Văn P, bị cáo Hoàng Văn L có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo và đáp ứng được công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Xét đề nghị áp dụng pháp luật và ra mức hình phạt đối với các bị cáo của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung

Các bị cáo Hoàng Văn P, Hoàng Văn L thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phương Thị T trình bày: Sim số 0356 xxx xxx trước đây P nhờ Bà đi mua bằng tiền của P và đăng ký bằng Chứng minh thư nhân dân của Bà. Sau khi mua được sim thì Hoàng Văn P là người sử dụng, việc P dùng sim liên lạc hay trao đổi với ai Bà hoàn toàn không biết. Nay Bà không có ý kiến và yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần xử lý như sau:

- Đối với số tiền 71.371.000 đồng là số tiền bán 07 (bảy) con trâu còn sống. Xét thấy, đây là khoản tiền có được từ việc bán số hàng hoá buôn bán trái phép (là vật chứng của vụ án) nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG GALAXYJ4 màu vàng đồng, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Hoàng Văn P; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu HUAWEI Y7 PRO 2019 màu đỏ, đã qua sử dụng, thu giữ của bị cáo Hoàng Văn L. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo P, bị cáo L đều thừa nhận những chiếc điện thoại này các bị cáo dùng để liên lạc, trao đổi về việc bán trâu với người đàn ông Trung Quốc qua phần mềm Wechat vào ngày 12-7-2023. Xét thấy, những chiếc điện thoại này là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (một) phôi sim số 0356 xxx xxx thu giữ của bị cáo P và 01 (một) phôi sim số 0342 xxx xxx thu giữ của bị cáo L. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, cả hai bị cáo cùng xác nhận không được dùng hai sim này để liên lạc trao đổi với nhau về việc đi mua, bán trâu. Bị cáo P xác nhận sim số 0356 xxx xxx là P đưa tiền nhờ bà T đi mua sim cho P và được đăng ký bằng Chứng minh thư nhân dân của bà T, sau khi mua được sim P là người sử dụng số thuê bao này. Tại phiên tòa, cả hai bị cáo đều yêu cầu được trả lại phôi sim. Hội đồng xét xử xét thấy, 02 (hai) phôi sim này không liên quan đến hành vi phạm tội, do đó cần trả lại cho bị cáo P, bị cáo L các phôi sim nói trên.

[8] Đối với ý kiến của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo Hoàng Văn P, Hoàng Văn L hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với 02 (hai) người đàn ông Trung Quốc tên K và M do không biết họ tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Quảng không có thông tin để điều tra, xử lý là có căn cứ.

[10] Về án phí: Do gia đình các bị cáo Hoàng Văn P, Hoàng Văn L thuộc hộ nghèo và các bị cáo đã có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Quảng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bào chữa đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 188 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn P, Hoàng Văn L phạm tội “Buôn lậu”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 188; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt Bị cáo Hoàng Văn P 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08-12-2023).

+ Xử phạt Bị cáo Hoàng Văn L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08-12-2023).

Giao bị cáo Hoàng Văn P, bị cáo Hoàng Văn L cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết về trách nhiệm dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 71.371.000 đồng (*Bảy mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn đồng chẵn*) đang tạm giữ tại tài khoản số 39490905823300000 chuyển đến tài khoản tạm giữ của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Quảng.

- Tịch thu, phát mại sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu SAMSUNG GALAXYJ4, màu vàng đồng, có số IMEI 1: 358131096782827, IMEI 2: 358132096782825, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu HUAWEI Y7 PRO 2019 màu đỏ, có số IMEI 1: 867615045318315, IMEI 2: 867615045358329, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn P 01 (một) phôi sim số 0356 xxx xxx và yêu cầu bị cáo P thực hiện việc đăng ký sim chính chủ nhà mạng Viettel theo Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24-4-2017 sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06-4-2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn L 01 (một) phôi sim số 0342 xxx xxx.

Xác nhận: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hà Quảng đã chuyển vật chứng, tài sản trên sang cơ quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hà Quảng tại biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10-10-2023.

4. Về án phí:

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Các bị cáo Hoàng Văn P, Hoàng Văn L được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có QLNV liên quan đến vụ án;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Hà Quảng;
- Cơ quan CSĐT Công an H. Hà Quảng;
- Cơ quan THAHS Công an H. Hà Quảng;
- Nhà tạm giữ Công an H. Hà Quảng;
- Chi cục THADS huyện Hà Quảng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- UBND xã Cải Viên, huyện Hà Quảng;
- Lưu: HS; THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hồng Vân